

CURRENT STATUS OF ORGANIZATION AND OPERATION OF PUBLIC SPECIAL EDUCATION INSTITUTIONS FOR PEOPLE WITH DISABILITIES IN VIETNAM

Nguyen Van Hung^{*1}, Tran Thu Giang²

* Corresponding author
Email: hungnv@vnies.edu.vn

² Email: giangtt@vnies.edu.vn

^{1,2} The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101, Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,
Hanoi, Vietnam

Received: 11/4/2025

Revised: 14/5/2025

Accepted: 30/5/2025

Published: 15/6/2025

Abstract: This paper presents the main findings from a survey assessing the current status of the organization and operation of public special education institutions for people with disabilities in Vietnam. The research team surveyed 51 institutions nationwide. The survey covered: 1) institution names and management levels, 2) organizational structures, 3) staff positions, 4) facilities, 5) types of disabilities served, and 6) operational areas and educational programs currently implemented. The results revealed a lack of consistency in how public special education institutions are organized and operated across different localities. These findings provide a crucial basis for guiding the development of regulations on the organization and operation of schools and classes for people with disabilities. They also support special education institutions in fulfilling their roles and responsibilities effectively according to regulations, thereby contributing to improved quality and effectiveness of education for people with disabilities.

Keywords: *Special education, special education institutions, organization and operation, people with disabilities.*

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT CÔNG LẬP DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Hưng^{*1}, Trần Thu Giang²

* Tác giả liên hệ
Email: hungnv@vnies.edu.vn

² Email: giangtt@vnies.edu.vn

^{1,2} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 11/4/2025

Chỉnh sửa xong: 14/5/2025

Chấp nhận đăng: 30/5/2025

Xuất bản: 15/6/2025

Tóm tắt: Bài viết trình bày những phát hiện chính trong khảo sát đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật tại Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã khảo sát tại 51 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập trên cả nước. Nội dung khảo sát đánh giá thực trạng bao gồm: 1) Về tên gọi và các cấp quản lý các cơ sở giáo dục chuyên biệt; 2) Cơ cấu tổ chức của các cơ sở giáo dục chuyên biệt; 3) Vị trí việc làm; 4) Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục chuyên biệt; 5) Các dạng khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt; 6) Các hoạt động và chương trình giáo dục đang được sử dụng tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Kết quả khảo sát cho thấy chưa có sự thống nhất về tổ chức và hoạt động giữa các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật tại các địa phương. Đây là cơ sở quan trọng để định hướng các nội dung trong văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật; đồng thời, để các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đối với người khuyết tật.

Từ khóa: *Giáo dục chuyên biệt, cơ sở giáo dục chuyên biệt, tổ chức và hoạt động, người khuyết tật.*

1. Đặt vấn đề

Theo Công ước Quốc tế về quyền của người khuyết tật: “Người khuyết tật không bị loại khỏi hệ thống giáo dục phổ thông trên cơ sở sự khuyết tật và trẻ em khuyết tật không bị loại khỏi giáo dục tiểu học bắt buộc, hoặc giáo dục trung học, trên cơ

sở sự khuyết tật” (Liên Hợp Quốc, 2007). Từ nhiều năm qua, các quốc gia đã phê chuẩn công ước này, trong đó có Việt Nam luôn tìm kiếm các giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục cho người khuyết tật. Tùy theo đặc điểm của hệ thống giáo dục, đặc biệt là nguồn lực và điều kiện kinh tế - xã hội, các quốc gia

đã xây dựng hệ thống các cơ sở giáo dục cho người khuyết tật một cách phù hợp. Tại Châu Á, Nhật Bản và Hàn Quốc là hai quốc gia có hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho khuyết tật đảm bảo được nhu cầu học tập có chất lượng và học tập suốt đời của người khuyết tật.

Tại Nhật Bản, hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ em và người khuyết tật đã được xây dựng từ năm 1948 với mục tiêu nhằm cung cấp một môi trường học tập phù hợp, hỗ trợ sự phát triển toàn diện và tạo điều kiện cho người khuyết tật hòa nhập xã hội (Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, 2020). Tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt, trẻ em khuyết tật với các mức độ khuyết tật từ nhẹ cho đến nặng, đều được cung cấp chương trình và phương pháp giảng dạy phù hợp để đáp ứng nhu cầu riêng biệt của từng học sinh. Việc thành lập Viện Giáo dục đặc biệt Quốc gia (NISE) năm 1971 là một bước ngoặt quan trọng, thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Nhật Bản trong việc đảm bảo quyền được giáo dục cho tất cả trẻ em khuyết tật. Trẻ em khuyết tật, dù có mức độ khuyết tật nào vẫn được quyền đến trường như các bạn đồng trang lứa. Học sinh khuyết tật có thể học chung lớp với học sinh không khuyết tật; khi cần thiết, các em có thể được học riêng trong các nhóm nhỏ, hoặc học cá nhân với giáo viên tại các phòng hỗ trợ chuyên biệt. Không chỉ là các trường chuyên biệt, mà ngay cả trường phổ thông cũng được trang bị hệ thống trợ giúp để hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt (Đinh Nguyễn Trang Thu, 2012).

Tại Hàn Quốc, giáo dục chuyên biệt cấp Tiểu học được triển khai ở tất cả các tỉnh. Năm học 2018 - 2019, Hàn Quốc mở rộng triển khai giáo dục cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông tại 164 trường chuyên biệt. Song song với việc mở rộng chương trình này, Hàn Quốc mở rộng phát triển 642 lớp giáo dục đặc biệt tại các trường phổ thông. Theo thống kê năm 2021, khoảng 78% học sinh khuyết tật tại Hàn Quốc học tại các trường chuyên biệt hoặc các lớp giáo dục đặc biệt trong các trường phổ thông. Viện Giáo dục đặc biệt Quốc gia Hàn Quốc xây dựng chương trình giáo dục chuyên biệt cấp quốc gia và sách giáo khoa dành riêng cho học sinh khuyết tật. Các chương trình này bao gồm: 1) Chương trình giáo dục chuyên biệt chung (dành cho học sinh khuyết tật cấp Tiểu học và Trung học cơ sở); 2) Chương trình giáo dục chuyên biệt môn học (dành cho học sinh khuyết tật học trung học phổ thông và học nghề); 3) Chương trình giáo dục cơ bản (dành cho học sinh khuyết tật mức độ nặng học tiểu học, trung học cơ sở

và trung học phổ thông) (Lê Thị Tâm & Nguyễn Thị Kim Hoa, 2024).

Giáo dục chuyên biệt tại Việt Nam được là phương thức giáo dục dành riêng cho người khuyết tật trong cơ sở giáo dục (Luật Người khuyết tật, 2010). Đây là một trong ba phương thức giáo dục dành cho người khuyết tật tại Việt Nam. Trường chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật đầu tiên ở Việt Nam được thành lập vào năm 1886 tại tỉnh Bình Dương với tên gọi là Trường câm điếc Lái Thiêu. Qua các giai đoạn lịch sử, tính đến tháng 12 năm 2022, cả nước có 51 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật cấp tỉnh và cấp huyện do ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022). Ngoài ra, còn có các trung tâm chuyên biệt, các trường phục hồi chức năng và dạy nghề công lập cho người khuyết tật thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và ngành Y tế quản lý (Tổng Cục Thống kê, 2018). Còn nhiều tỉnh thành chưa có các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật. Một trong số nhiều nguyên nhân là do chưa có các quy định về thành lập các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật và quy định về tổ chức, hoạt động của các trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật. Bài viết này phân tích thực trạng về tổ chức và hoạt động của mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật do ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận để tổng hợp, phân tích một số văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo về giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật; tìm hiểu hệ thống giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật tại một số quốc gia. Qua nghiên cứu lí luận, nhóm nghiên cứu tổng hợp một số nội dung chính như sau:

Các cơ sở giáo dục chuyên biệt là một phần không thể thiếu trong hệ thống cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật, để đáp ứng nhu cầu học tập có chất lượng và học tập suốt đời của tất cả người khuyết tật;

Một số quốc gia có hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt rất phát triển và phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục của Việt Nam, nên chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia này trong quy hoạch và phát triển các cơ sở giáo dục chuyên biệt;

Cần có sự thống nhất về tổ chức và hoạt động

của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật từ trung ương đến địa phương.

2.2. Phương pháp nghiên cứu đánh giá thực trạng

Khảo sát đánh giá thực trạng được thực hiện tại 23 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật. Đối tượng khảo sát bao gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật. Thông tin được thu thập qua hình thức trả lời phiếu hỏi, phiếu thống kê kết hợp với phỏng vấn sâu và tọa đàm. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu thu thập dữ liệu thứ cấp qua các báo cáo sơ kết học kỳ, báo cáo tổng kết năm học, kế hoạch giáo dục, báo cáo đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật của các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Dữ liệu khảo sát thu được từ khảo sát thực trạng được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học, sử dụng phần mềm Microsoft Office Excel, dữ liệu định tính được trích lục để phân tích và rút ra kết luận nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng về tổ chức của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

a. Tên gọi và cấp quản lý của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Theo “Báo cáo thực trạng hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập” thuộc Nhiệm vụ “Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến tháng 12 năm 2022, trên phạm vi cả nước hiện có 51 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022). Tuy nhiên, tên gọi và cấp

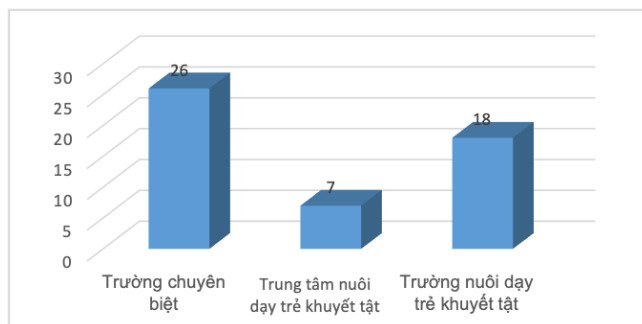
quản lý của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật còn rất khác nhau, thông tin cụ thể ở hai Biểu đồ 1.

Số liệu ở Biểu đồ 1 cho thấy, có sự khác nhau về tên gọi của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật, có 26/51 cơ sở có tên gọi là trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật. 18/51 cơ sở lại có tên gọi là trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, các cơ sở này thực hiện cả nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ khuyết tật. Một số cơ sở lại không gọi tên là trường mà là trung tâm, 7/51 cơ sở. Theo Báo cáo thống kê của các tỉnh thành gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo Công văn số 959/BGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 3 năm 2023, hiện nay cả nước có 23/63 tỉnh thành là có cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật. Như vậy, còn 40 tỉnh thành là không có cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập đối với người khuyết tật do ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý.

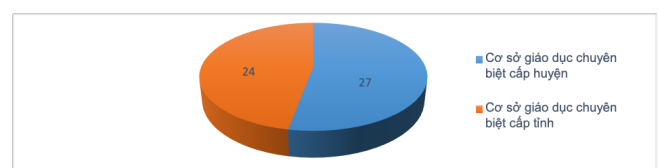
Mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật tại Việt Nam còn rất mỏng và phân bố không đồng đều. Báo cáo thống kê chỉ ra vùng Đông Nam Bộ có nhiều cơ sở giáo dục chuyên biệt nhất so với các vùng còn lại. Vùng Tây Nguyên bao gồm 05 tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum nhưng chỉ có 02 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật. Hai thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật, Hà Nội có 07 cơ sở và thành phố Hồ Chí Minh có 16 cơ sở.

Các cơ sở giáo dục chuyên biệt có thể dành cho một dạng khuyết tật, hoặc là dành cho nhiều dạng khuyết tật. Ví dụ, tại Thành phố Hồ Chí Minh có Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu là dành cho học sinh khuyết tật nhìn; tại Hà Nội có Trường chuyên biệt Hi Vọng, Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn là dành cho học sinh khuyết tật nghe nói, Trường Tiểu học Bình Minh là dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ. Hầu hết các cơ sở giáo dục chuyên biệt là dành cho nhiều dạng khuyết tật.

Các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người



Biểu đồ 1: Tên gọi của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật



Biểu đồ 2: Cấp quản lý của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

khuyết tật tại Việt Nam đang có cơ sở cấp tỉnh và cấp huyện. Các cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập và chịu sự quản lý chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, cả nước có 24 cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp tỉnh. Các cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp huyện do Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định thành lập và chịu sự quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Số liệu ở Biểu đồ 2 cho thấy có 27 cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp huyện và 24 cơ sở giáo dục cấp tỉnh trên cả nước.

b. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Tìm hiểu thực trạng về cơ cấu tổ chức của các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật, nhóm nghiên cứu thống kê về số lượng và tên gọi các phòng/tổ chức năng, các phòng/tổ chuyên môn.

Bảng 1: Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Cơ cấu tổ chức	Có 3 phòng/tổ chuyên môn	Có 4 phòng/tổ chuyên môn	Có 5 phòng/tổ chuyên môn
Số lượng cơ sở	24	18	9

Kết quả khảo sát của Bảng 1 cho thấy số lượng các phòng/tổ chuyên môn ở mỗi cơ sở giáo dục chuyên biệt cũng có sự khác biệt, phần lớn là chia thành 03 tổ, trong khi tại một số cơ sở lại chia thành 05 tổ như Trường Chuyên biệt Thảo Điền, Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu (Thành phố Hồ Chí Minh) và Trường Trẻ em khuyết tật An Giang. Chưa có sự thống nhất về phân chia các phòng/tổ chức năng và các phòng/tổ chuyên môn tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật. Một số cơ sở thì phân chia theo các lĩnh vực giáo dục như can thiệp sớm, giáo dục phổ thông, hướng nghiệp,... Một số cơ sở khác lại phân chia chuyên môn theo giáo dục các dạng khuyết tật (khuyết tật trí tuệ, khuyết tật nhìn, khuyết tật nghe, nói,...).

Qua phỏng vấn sâu cán bộ quản lý cho thấy sự kết nối, liên thông giữa các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật và các trường mầm non, trường phổ thông tại các địa phương hầu như không có. Nghĩa là, sau khi học xong các lớp hoặc cấp học của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật, học sinh khuyết tật không thể tham gia giáo dục hòa nhập tại các trường phổ thông. Như vậy, có nhiều học sinh khuyết tật sau khi học xong

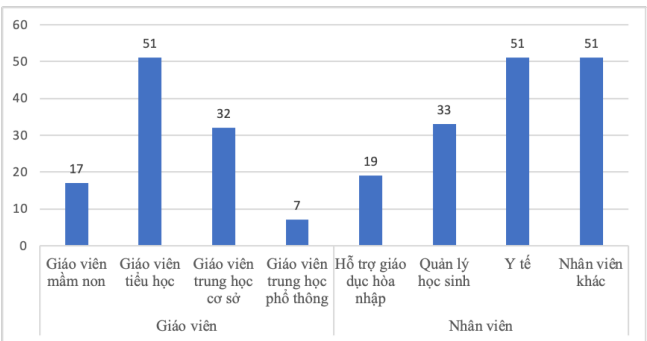
tiểu học hoặc trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật lại phải quay về gia đình và không được học tiếp trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc học nghề.

Hiện nay, theo phân cấp quản lý, các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật công lập, về cơ bản chỉ tiếp nhận học sinh khuyết tật là người địa phương. Như vậy, thực tế là các địa phương chưa có cơ sở giáo dục chuyên biệt thì trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học chưa thể tham gia giáo dục hòa nhập sẽ không có cơ hội được đến trường. Giáo viên của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật công lập là những người đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về chăm sóc, giáo dục người khuyết tật. Lương của giáo viên theo quy định sẽ được hưởng thêm phụ cấp 70% khi dạy chuyên biệt học sinh khuyết tật (Chính phủ, 2015).

Học sinh học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật công lập có tổ chức nội trú thì hầu hết đều được cung cấp chi phí ăn, ở và miễn phí các phương tiện, thiết bị dạy học theo quy định của từng địa phương.

c. Vị trí việc làm của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Nhóm nghiên cứu tập trung tìm hiểu về vị trí việc làm là giáo viên và nhân viên tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật. Kết quả thống kê được thể hiện ở Biểu đồ 3.



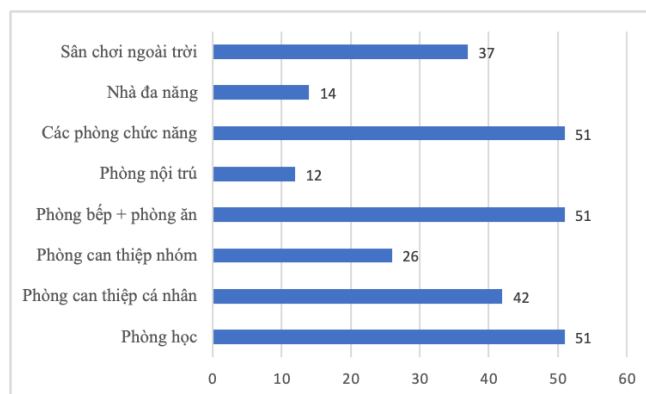
Biểu đồ 3: Vị trí việc làm tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Vị trí việc làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật chủ yếu là giáo viên giáo tiểu học và giáo viên mầm non. Một số trường chuyên biệt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và An Giang là có nhóm vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở, bởi cơ sở này có cấp Trung học cơ sở. Một số cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật có vị trí việc làm là giáo viên dạy

nghề, chủ yếu là dạy nghề may cho các học sinh lớn tuổi đang học tại trường. Về vị trí việc làm nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập, mặc dù các cơ sở giáo dục chuyên biệt không có chức năng hỗ trợ giáo dục hòa nhập nhưng có 19/51 cơ sở trong địa bàn khảo sát có vị trí việc làm là nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập. Trong thực tế, các cơ sở giáo dục chuyên biệt này đã và đang thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trong địa bàn. Các cơ sở này đều có tổ chuyên môn hỗ trợ giáo dục hòa nhập. Bên cạnh đó, một số cơ sở giáo dục chuyên biệt có học sinh nội trú nhưng chưa có hướng dẫn về vị trí việc làm cho các nhân viên quản lý học sinh nội trú. Qua phỏng vấn sâu cán bộ quản lý tại các cơ sở có tổ chức nội trú, các cán bộ quản lý đều cho rằng đang phải “vận dụng” để hợp đồng với các nhân viên quản lý học sinh vào buổi đêm, chưa có quy định các cơ sở giáo dục chuyên biệt cần có vị trí việc làm “quản sinh”.

Số liệu khảo sát cho thấy, không có vị trí việc làm là giáo viên giáo dục đặc biệt đang làm việc tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật; trong khi thực tế thì đây mới chính là lực lượng giáo viên cốt cán tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Vấn đề bất cập hiện nay chưa có mã vị trí việc làm giáo viên giáo dục đặc biệt, mặc dù đã có nhiều sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục đặc biệt.

d. Cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật



Biểu đồ 4: Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục chuyên biệt

Bảng 2: Các dạng khuyết tật học tại cơ sở giáo dục chuyên biệt

Các dạng khuyết tật	Khuyết tật vận động	Khuyết tật nghe, nói	Khuyết tật nhìn	Khuyết tật trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỉ	Khuyết tật khác
Số lượng cơ sở giáo dục chuyên biệt	29	27	12	51	51	51

Các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật tổ chức dạy học, giáo dục ở các cấp học khác nhau, do đó cần phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp với quy định của từng cấp học. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 4 cho thấy, phần lớn các hạng mục cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể, một số hạng mục như diện tích sân chơi, các phòng chức năng (phòng thư viện, phòng y tế...) chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh. Đặc biệt, đối với những cơ sở có tổ chức bán trú, nội trú, điều kiện cơ sở vật chất cho khu nội trú còn thiếu hụt nghiêm trọng, thậm chí nhiều nơi hoàn toàn không có phòng ở riêng dành cho học sinh. Một số trường phải sử dụng các lớp học cải tạo tạm thời thành phòng ngủ, phòng ở cho học sinh. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục và điều kiện sinh hoạt, nghỉ ngơi của học sinh khuyết tật.

3.2. Thực trạng về hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

a. Các dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật học tại trường chuyên biệt

Kết quả khảo sát cho thấy, ba dạng khuyết tật - khuyết tật trí tuệ, rối loạn phổ tự kỉ, khuyết tật khác (bao gồm đa tật) - được can thiệp, hỗ trợ ở tất cả các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật, tiếp đến là khuyết tật vận động và khuyết tật về nghe nói. Tỷ lệ các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật có trẻ khuyết tật nhìn là ít nhất. Ba dạng khuyết tật - khuyết tật trí tuệ, rối loạn phổ tự kỉ, khuyết tật khác - có tỷ lệ cao do các em khuyết tật ở các dạng này ở mức độ nặng và đặc biệt nặng nên không tham gia học hòa nhập được. Một số cơ sở giáo dục chuyên biệt khi mới thành lập thì định hướng can thiệp, giáo dục cho một dạng khuyết tật. Ví dụ, các trường Nguyễn Đình Chiểu là dành cho học sinh khuyết tật nhìn, các trường Tương Lai, Hi Vọng thì dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ. Nhưng hiện nay, tất cả các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật đều hướng đến thực hiện can thiệp, giáo dục cho nhiều dạng khuyết tật.

b. Lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

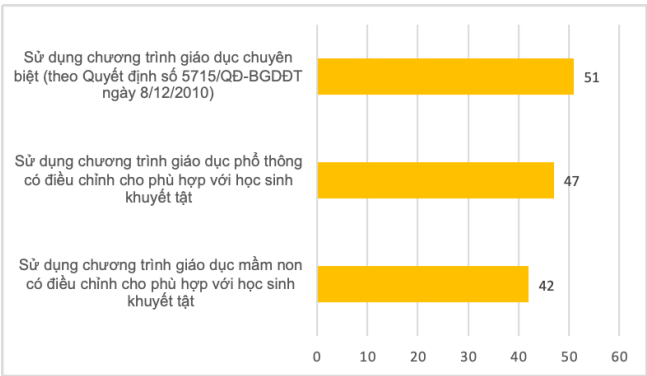
Bảng 3: Lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

TT	Hoạt động	Tỉ lệ thực hiện
1	Phát hiện sớm trẻ khuyết tật	100%
2	Can thiệp sớm	88,24%
3	Giáo dục tiểu học	100%
4	Giáo dục trung học cơ sở	37,25%
5	Giáo dục trung học phổ thông	5,88%
6	Giáo dục hướng nghiệp	52,94%
7	Hỗ trợ giáo dục hòa nhập	27,45%

Bảng 3 cho thấy, có 100% cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật thực hiện công tác phát hiện sớm và công tác giáo dục tiểu học. Chỉ có 37,25% cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật thực hiện giáo dục cấp Trung học cơ sở cho học sinh khuyết tật và 5,88% cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện giáo dục Trung học phổ thông. Chủ yếu các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật chỉ thực hiện giáo dục cấp Tiểu học vì đây là cấp học bắt buộc, các học sinh khuyết tật hoàn thành chương trình tiểu học có thể tham gia học hòa nhập tại các trường trung học cơ sở. Có 52,94% cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật với một số nghề phổ thông như nghề may, làm thủ công dành cho học sinh khiếm thính, nghề massage dành cho học sinh khuyết tật nhìn. Khoảng 1/3 số cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho các cơ sở giáo dục hòa nhập.

c. Chương trình giáo dục được sử dụng tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt

Về chương trình giáo dục được sử dụng tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật, có 42/51 cơ sở sử dụng chương trình giáo dục mầm non có điều chỉnh phù hợp với học sinh khuyết tật. Đây là các cơ sở có tổ chức hoạt động can thiệp sớm, giáo dục sớm. Có 47/51 cơ sở sử dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có điều chỉnh để xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh khuyết tật. Khi được hỏi về việc sử dụng chương trình giáo dục chuyên biệt, 51/51 cơ sở giáo dục chuyên biệt đều sử dụng



Biểu đồ 5: Chương trình giáo dục được sử dụng tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật

Chương trình giáo dục chuyên biệt theo Quyết định số 5715 ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010). Các cơ sở nhận định chương trình này được thiết kế phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh theo từng dạng khuyết tật, các giáo viên cũng dễ dàng hơn khi sử dụng chương trình này để xây dựng kế hoạch bài học. Một số cơ sở giáo dục chuyên biệt còn thực hiện các chương trình giáo dục các kỹ năng đặc thù cho từng dạng học sinh khuyết tật.

3.3. Đề xuất và khuyến nghị

Qua đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập dành cho người khuyết tật, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở này.

a. Đề xuất: 1) Thống nhất và chính xác hóa tên gọi của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật; 2) Cơ cấu tổ chức của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật phải tuân theo quy định về cơ cấu tổ chức của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, vị trí việc làm chức danh chuyên môn, vị trí việc làm hỗ trợ và phục vụ; 3) Thống nhất sử dụng các chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật.

b. Khuyến nghị: 1) Bổ sung mã số chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm giáo viên giáo dục đặc biệt trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật; 2) Ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát đáng giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục chuyên biệt công

lập dành cho người khuyết tật tại Việt Nam cho thấy mạng lưới các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật chưa được phân bố đồng đều theo vùng kinh tế - xã hội và theo các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Số lượng các cơ sở giáo dục chuyên biệt còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học. Ngoài ra, chưa có sự thống nhất trong tên gọi của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật, bất cập trong cơ cấu tổ chức tại mỗi cơ sở giáo dục chuyên biệt. Hoạt động của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật chưa đáp ứng khả năng và nhu cầu của người khuyết tật; chưa có các chương trình giáo dục đặc thù dành cho từng dạng khuyết tật tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Để

hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật hoạt động hiệu quả và có chất lượng, các cấp có thẩm quyền cần sớm ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật; nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đối với người khuyết tật là đảm bảo người khuyết tật hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và mở ra cơ hội học tập suốt đời cho người khuyết tật.

Lời cảm ơn: Bài viết là một trong những sản phẩm của Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu luận cứ khoa học và đề xuất chính sách về tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật”, mã số B2024-VKG-12.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (08/12/2010). *Quyết định số 5715/QĐ-BGDĐT Ban hành các chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ cấp tiểu học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (12/2022). *Báo cáo điều tra về dữ liệu hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*. Kỷ yếu Hội thảo “Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.
- Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản. (2020). *Vai trò của kiểm tra sức khỏe cho trẻ nhỏ trong Luật Sức khỏe bà mẹ và trẻ em cùng với Luật Hỗ trợ người khuyết tật phát triển*. <http://www.mhlw.go.jp/bunya/kodomo/boshi-hoken15/dl/03.pdf>.
- Chính phủ. (09/11/2015). *Nghị định số 113/2015/NĐ-CP Quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập*.
- Đinh Nguyễn Trang Thu. (2012). Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở Nhật Bản. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 79(4), tr.60-64.
- Lê Thị Tâm & Nguyễn Thị Kim Hoa. (2024). Bài học từ Hàn Quốc và một số định hướng phát triển chương trình, học liệu giáo dục dành cho học sinh khuyết tật Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(4), tr.76-80.
- Liên Hợp Quốc. (2007). *Công ước về Quyền của Người khuyết tật*.
- Quốc hội. (2010). *Luật Người khuyết tật*.
- Tổng Cục thống kê. (2018). *Báo cáo Điều tra Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam năm 2016*. NXB Thống kê.